

Số: /TB-CCTS

Quảng Trị, ngày tháng 7 năm 2024

THÔNG BÁO

Kết quả quan trắc môi trường nuôi tôm nước lợ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, đợt 5, thu mẫu ngày 17/7/2024

Thực hiện Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 04/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về Quan trắc môi trường nuôi tôm nước lợ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021 - 2025; năm 2024, Chi cục Thủy sản chủ trì, phối hợp với Trung tâm Quan trắc Môi trường và Bệnh thủy sản miền Bắc triển khai thực hiện nhiệm vụ quan trắc môi trường nuôi tôm nước lợ trên địa bàn tỉnh, trong đó thực hiện quan trắc tại 16 điểm nước cấp trên địa bàn 15 xã, phường của 05 huyện, thành phố có hoạt động nuôi tôm¹.

Trên cơ sở kết quả phân tích, nhận xét kết quả phân tích và khuyến cáo của Trung tâm Quan trắc Môi trường và Bệnh thủy sản miền Bắc tại Thông báo số QTQT240718 ngày 22/7/2024, Chi cục Thủy sản thông báo kết quả quan trắc môi trường nuôi tôm nước lợ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, đợt 5, thu mẫu ngày 17/7/2024, cụ thể như sau:

Phần I. Thông tin chung điểm quan trắc

Bảng 1. Thông tin địa điểm thu mẫu

Stt	Địa điểm lấy mẫu	Toạ độ
1	Huyện Vĩnh Linh	
	1. Xã Vĩnh Thái (VT): nguồn nước cấp ven biển thôn Tân Hòa.	17.144809, 107.018466
	2. Xã Vĩnh Sơn 1 (VS1): nguồn nước cấp ven sông tại Cống Ba Cựa.	17.004360, 107.044788
	3. Xã Vĩnh Sơn 2 (VS2): nguồn nước cấp ven sông tại chân cầu Tiên An.	16.972700, 107.033382
	4. Xã Vĩnh Lâm (VL): nguồn nước cấp ven sông tại chân cầu Châu Thị.	17.037659, 107.024472
	5. Xã Hiền Thành (HT): nguồn nước cấp ven sông tại hồ chứa khu nuôi tôm HTX NTTS Vĩnh Thành.	17.010744, 107.063689
6. Xã Vĩnh Giang (VG): nguồn nước cấp ven	17.000154,	

¹ Xã Vĩnh Sơn, xã Hiền Thành, xã Vĩnh Lâm, xã Vĩnh Giang, xã Vĩnh Thái thuộc huyện Vĩnh Linh; xã Trung Giang, xã Gio Mai thuộc huyện Gio Linh; phường Đông Giang, phường Đông Lễ thuộc thành phố Đông Hà; xã Triệu Phước, xã Triệu Độ, xã Triệu An, xã Triệu Vân, xã Triệu Lăng thuộc huyện Triệu Phong; xã Hải An thuộc huyện Hải Lăng.

Stt	Địa điểm lấy mẫu		Toạ độ
		sông tại Bến Đò thôn Tùng Luật.	107098734
2	Huyện Gio Linh	7. Xã Trung Giang (TG): nguồn nước cấp ven biển thôn Nam Sơn.	17.003985, 107.115077
		8. Xã Gio Mai (GM): nguồn nước cấp ven sông thôn Mai Xá.	16.877005, 107.145400
3	Huyện Triệu Phong	9. Xã Triệu An (TA): nguồn nước cấp ven biển thôn Hà Tây.	16.881222, 107.218898
		10. Xã Triệu Vân (TV): nguồn nước cấp ven biển thôn 9.	16.872506, 107.227488
		11. Xã Triệu Lăng (TL): nguồn nước cấp ven biển thôn Ba Tư.	16.814136, 107.294745
		12. Xã Triệu Phước (TP): nguồn nước cấp ven sông thôn Hà La.	18.869130, 107.167754
		13. Xã Triệu Độ (TĐ): nguồn nước cấp ven sông tại Cầu Phao.	16.828320, 107.131726
4	Huyện Hải Lăng	14. Xã Hải An (HA): nguồn nước cấp ven biển thôn Thuận Đầu.	16.777794, 107.340943
5	Thành phố Đông Hà	15. Phường Đông Giang (ĐG): nguồn nước cấp ven sông tại hồ chứa HTX Đông Giang 2.	16.837688, 107.118808
		16. Phường Đông Lễ (ĐL): nguồn nước cấp ven sông khu phố Lập Thạch.	16.833642, 107.126739

Phần II. Thông báo kết quả quan trắc chất lượng nước cấp

I. Kết quả phân tích mẫu

Bảng 2. Kết quả phân tích mẫu

TT	Điểm quan trắc	Nhiệt độ	pH	Độ mặn	Độ trong	Độ kiềm	H ₂ S	DO	N-NO ₂ ⁻	N-NH ₄ ⁺	N-NO ₃ ⁻	P-PO ₄ ³⁻	TSS	COD	Coliform	Mật độ và thành phần phân tử độc	Vibrio tổng số	Vibrio parahaemolyticus
Đơn vị tính		°C		‰	cm	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	CFU/100ml	Tế bào/L	CFU/ml	
Giới hạn cho phép		26-32 ^[1]	7,5-8,5 ^[1]	7-25 ^[1]	30-45 ^[1]	100-200 ^[1]	≤0,05 ^[1]	5-9 ^[1]	≤1,0 ^[1]	≤3 ^[1]	≤10 ^[1]	≤0,15 ^[1]	≤100 ^[1]	≤20 ^[1]	≤1000 ^[3] ≤5000 ^[4]	^[2]	≤1000 ^[1]	
I. Vùng nước cấp ven sông																		
1	Vĩnh Sơn 1	29,0	6,58	0	20	12	0,000	4,10	0,007	0,112	2,89	0,033	95,0	3,20	0	0	57	Âm tính
2	Vĩnh Sơn 2	28,9	6,52	1	10	6	0,037	5,60	0,019	0,783	3,22	0,043	178,0	3,84	0	0	0	Âm tính
3	Vĩnh Lâm	28,9	6,40	0	20	10	0,015	4,20	0,008	0,267	4,12	0,023	31,0	2,72	0	0	0	Âm tính
4	Hiền Thành	31,0	8,12	10	50	46	0,001	5,50	0,000	0,183	4,78	0,023	37,3	3,20	0	0	0	Âm tính
5	Vĩnh Giang	28,7	6,77	1	10	12	0,024	4,40	0,015	0,396	5,61	0,035	54,0	2,72	0	0	83	Âm tính
6	Gio Mai	29,8	6,78	3	45	30	0,006	4,00	0,004	0,306	4,67	0,023	18,0	3,68	0	0	23	Âm tính
7	Triệu Phước	29,0	6,98	1	40	34	0,000	3,50	0,015	0,027	4,05	0,033	18,0	2,24	0	0	27	Âm tính
8	Triệu Độ	30,0	7,38	3	20	40	0,002	6,80	0,034	0,289	5,63	0,000	30,7	2,24	0	0	0	Âm tính
9	Đông Giang	32,2	7,22	2	20	36	0,007	5,00	0,018	0,265	4,89	0,020	96,0	2,56	0	0	23	Âm tính
10	Đông Lễ	30,3	7,13	3	20	28	0,000	4,50	0,023	0,434	4,43	0,020	42,7	2,40	0	0	0	Âm tính

TT	Điểm quan trắc	Nhiệt độ	pH	Độ mặn	Độ trong	Độ kiềm	H ₂ S	DO	N-NO ₂ ⁻	N-NH ₄ ⁺	N-NO ₃ ⁻	P-PO ₄ ³⁻	TSS	COD	Coliform	Mật độ và thành phần tảo độc	Vibrio tổng số	Vibrio parahaemolyticus	
Đơn vị tính		°C		‰	cm	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	CFU/100ml	Tế bào/L	CFU/ml		
Giới hạn cho phép		26-32 ^[1]	7,5-8,5 ^[1]	7-25 ^[1]	30-45 ^[1]	100-200 ^[1]	≤0,05 ^[1]	5-9 ^[1]	≤1,0 ^[1]	≤3 ^[1]	≤10 ^[1]	≤0,15 ^[1]	≤100 ^[1]	≤20 ^[1]	≤1000 ^[3] ≤5000 ^[4]	^[2]	≤1000 ^[1]		
II. Vùng nước cấp ven biển																			
11	Vĩnh Thái	29,0	8,02	27	70	98	0,000	6,20	0,004	0,371	4,86	0,025	73,5	2,08	0	0	2200	Âm tính	
12	Trung Giang	28,4	8,06	26	45	100	0,001	6,00	0,001	0,191	5,22	0,012	54,0	0,96	0	0	280	Âm tính	
13	Triệu An	28,4	8,02	28	50	100	0,002	6,60	0,002	0,057	5,89	0,015	68,0	0,80	0	0	43	Âm tính	
14	Triệu Vân	28,7	8,12	28	60	100	0,000	5,00	0,001	0,139	5,55	0,012	82,0	1,12	0	0	77	Âm tính	
15	Triệu Lăng	28,8	8,22	28	50	112	0,000	6,00	0,000	0,031	6,7	0,043	71,0	1,28	0	0	30	Âm tính	
16	Hải An	28,9	7,87	28	75	106	0,000	6,20	0,012	0,192	4,12	0,068	47,5	3,84	0	0	0	Âm tính	

Ghi chú:

Ký hiệu ^[1]: TCVN 13656:2023: Nước nuôi trồng thủy sản - Chất lượng nước nuôi thâm canh tôm sú, tôm thẻ chân trắng.

Ký hiệu ^[2]: TCVN 13951:2024: Nước nuôi trồng thủy sản - Nước biển - Yêu cầu chất lượng.

Ký hiệu ^[3]: QCVN 10:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển.

Ký hiệu ^[4]: QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

Đối với chỉ tiêu Coliform, ngưỡng giới hạn cho phép đối với vùng nước cấp ven sông áp dụng theo QCVN 08:2023/BTNMT; vùng nước cấp ven biển áp dụng theo QCVN 10:2023/BTNMT.

II. Đánh giá chất lượng nước cho nuôi tôm nước lợ (AWQI)

Bảng 3. Kết quả đánh giá AWQI nước nguồn cấp

STT	Điểm quan trắc	AWQI	Chất lượng nước	Chỉ tiêu vượt ngưỡng	Khuyến cáo
1	Vĩnh Thái	84	Tốt	<i>Vibrio</i>	Khử trùng nước, chạy quạt khí trước khi cấp vào ao nuôi
2	Vĩnh Sơn 1	29	Kém	Độ mặn, độ kiềm	Hạn chế lấy nước vào ao, trong trường hợp cần thiết cần ổn định độ mặn, sử dụng các sản phẩm khoáng tăng kiềm trong ao chứa/ao xử lý trước khi cấp vào ao nuôi
3	Vĩnh Sơn 2	36	Kém	Độ mặn, độ kiềm, TSS	Hạn chế lấy nước vào ao, trong trường hợp cần thiết cần phải bơm xử lý qua bể lọc hoặc lưới lọc, ổn định độ mặn, sử dụng các sản phẩm khoáng tăng kiềm trong ao chứa/ao xử lý trước khi cấp vào ao nuôi
4	Vĩnh Lâm	29	Kém	Độ mặn, độ kiềm	Hạn chế lấy nước vào ao, trong trường hợp cần thiết cần ổn định độ mặn, sử dụng các sản phẩm khoáng tăng kiềm trong ao chứa/ao xử lý trước khi cấp vào ao nuôi
5	Hiền Thành	94	Rất tốt		
6	Vĩnh Giang	41	Kém	Độ mặn, độ kiềm	Hạn chế lấy nước vào ao, trong trường hợp cần thiết cần ổn định độ mặn, sử dụng các sản phẩm khoáng tăng kiềm trong ao chứa/ao xử lý trước khi cấp vào ao nuôi
7	Trung Giang	99	Rất tốt		
8	Gio Mai	47	Trung bình	Độ mặn, độ kiềm	Hạn chế lấy nước vào ao, trong trường hợp cần thiết cần ổn định độ mặn, sử dụng các sản phẩm khoáng tăng kiềm trong ao chứa/ao xử lý trước khi cấp vào ao nuôi

STT	Điểm quan trắc	AWQI	Chất lượng nước	Chỉ tiêu vượt ngưỡng	Khuyến cáo
9	Triệu An	98	Rất tốt		
10	Triệu Vân	97	Rất tốt		
11	Triệu Lăng	98	Rất tốt		
12	Triệu Phước	39	Kém	DO, độ mặn, độ kiềm	Hạn chế lấy nước vào ao, trong trường hợp cần thiết cần ổn định độ mặn, sử dụng các sản phẩm khoáng tăng kiềm trong ao chứa/ao xử lý trước khi cấp vào ao nuôi
13	Triệu Độ	78	Tốt	Độ mặn, độ kiềm	Hạn chế lấy nước vào ao, trong trường hợp cần thiết cần ổn định độ mặn, sử dụng các sản phẩm khoáng tăng kiềm trong ao chứa/ao xử lý trước khi cấp vào ao nuôi
14	Hải An	100	Rất tốt		
15	Đông Giang	45	Kém	Độ mặn, độ kiềm	Hạn chế lấy nước vào ao, trong trường hợp cần thiết cần ổn định độ mặn, sử dụng các sản phẩm khoáng tăng kiềm trong ao chứa/ao xử lý trước khi cấp vào ao nuôi
16	Đông Lễ	47	Trung bình	Độ mặn, độ kiềm	Hạn chế lấy nước vào ao, trong trường hợp cần thiết cần ổn định độ mặn, sử dụng các sản phẩm khoáng tăng kiềm trong ao chứa/ao xử lý trước khi cấp vào ao nuôi

Ghi chú: Các chỉ tiêu dùng để tính toán chỉ số AWQI gồm: pH, DO, độ mặn, độ kiềm, N-NO₂⁻, P-PO₄³⁻, N-NH₄⁺, TSS và Vibrio tổng số.

III. Nhận xét kết quả phân tích

1. Xã Vĩnh Sơn 1 (công Ba Cựa)

Các thông số pH, độ trong, độ kiềm và DO lần lượt có giá trị thấp hơn ngưỡng giới hạn cho phép 1,14 lần, 1,5 lần, 8,33 lần và 1,22 lần. Thông số độ mặn có giá trị bằng 0‰ thấp hơn ngưỡng giới hạn cho phép. Các thông số nhiệt độ, H₂S, N-NO₂⁻, N-NH₄⁺, N-NO₃⁻, P-PO₄³⁻, TSS, COD, *Coliform* và *Vibrio* tổng số có giá trị trong ngưỡng giới hạn cho phép. Không phát hiện tảo độc và *Vibrio parahaemolyticus* trong mẫu nước (Bảng 2).

2. Xã Vĩnh Sơn 2 (chân cầu Tiên An)

Các thông số pH, độ mặn, độ trong và độ kiềm lần lượt có giá trị thấp hơn ngưỡng giới hạn cho phép 1,15 lần, 7,0 lần, 3,0 lần và 16,67 lần. Thông số TSS có giá trị cao gấp 1,78 lần ngưỡng giới hạn cho phép. Các thông số nhiệt độ, H₂S, DO, N-NO₂⁻, N-NH₄⁺, N-NO₃⁻, P-PO₄³⁻, COD, *Coliform* và *Vibrio* tổng số có giá trị trong ngưỡng giới hạn cho phép. Không phát hiện tảo độc và *Vibrio parahaemolyticus* trong mẫu nước (Bảng 2).

3. Xã Vĩnh Lâm

Các thông số pH, độ trong, độ kiềm và DO lần lượt có giá trị thấp hơn ngưỡng giới hạn cho phép 1,17 lần, 1,5 lần, 10 lần và 1,19 lần. Thông số độ mặn có giá trị bằng 0 ‰ thấp hơn ngưỡng giới hạn cho phép. Các thông số nhiệt độ, H₂S, N-NO₂⁻, N-NH₄⁺, N-NO₃⁻, P-PO₄³⁻, TSS, COD, *Coliform* và *Vibrio* tổng số có giá trị trong ngưỡng giới hạn cho phép. Không phát hiện tảo độc và *Vibrio parahaemolyticus* trong mẫu nước (Bảng 2).

4. Xã Hiền Thành

Thông số độ kiềm có giá trị thấp hơn 2,17 lần ngưỡng giới hạn cho phép. Các thông số nhiệt độ, pH, độ mặn, H₂S, DO, N-NO₂⁻, N-NH₄⁺, N-NO₃⁻, P-PO₄³⁻, TSS, COD, *Coliform* và *Vibrio* tổng số có giá trị trong ngưỡng giới hạn cho phép. Không phát hiện tảo độc và *Vibrio parahaemolyticus* trong mẫu nước (Bảng 2).

5. Xã Vĩnh Giang

Các thông số pH, độ mặn, độ trong, độ kiềm và DO lần lượt có giá trị thấp hơn ngưỡng giới hạn cho phép 1,11 lần, 7,0 lần, 3,0 lần, 8,33 lần và 1,14 lần. Các thông số nhiệt độ, H₂S, N-NO₂⁻, N-NH₄⁺, N-NO₃⁻, P-PO₄³⁻, TSS, COD, *Coliform* và *Vibrio* tổng số có giá trị trong ngưỡng giới hạn cho phép. Không phát hiện tảo độc và *Vibrio parahaemolyticus* trong mẫu nước (Bảng 2).

6. Xã Gio Mai

Các thông số pH, độ mặn, độ kiềm và DO lần lượt có giá trị thấp hơn ngưỡng giới hạn cho phép 1,11 lần, 2,33 lần, 3,33 lần và 1,25 lần. Các thông số nhiệt độ, độ trong, H₂S, N-NO₂⁻, N-NH₄⁺, N-NO₃⁻, P-PO₄³⁻, TSS, COD, *Coliform* và *Vibrio* tổng số có giá trị trong ngưỡng giới hạn cho phép. Không phát hiện tảo độc và *Vibrio parahaemolyticus* trong mẫu nước (Bảng 2).

7. Xã Triệu Phước

Các thông số pH, độ mặn, độ kiềm và DO lần lượt có giá trị thấp hơn ngưỡng giới hạn cho phép 1,07 lần, 7,0 lần, 2,94 lần và 1,43 lần. Các thông số nhiệt độ, độ trong, H₂S, N-NO₂⁻, N-NH₄⁺, N-NO₃⁻, P-PO₄³⁻, TSS, COD, *Coliform* và *Vibrio* tổng số có giá trị trong ngưỡng giới hạn cho phép. Không phát hiện tảo độc và *Vibrio parahaemolyticus* trong mẫu nước (Bảng 2).

8. Xã Triệu Độ

Các thông số pH, độ mặn, độ trong và độ kiềm lần lượt có giá trị thấp hơn ngưỡng giới hạn cho phép 1,02 lần, 2,33 lần, 1,5 lần và 2,5 lần. Các thông số nhiệt độ, H₂S, DO, N-NO₂⁻, N-NH₄⁺, N-NO₃⁻, P-PO₄³⁻, TSS, COD, *Coliform* và *Vibrio* tổng số có giá trị trong ngưỡng giới hạn cho phép. Không phát hiện tảo độc và *Vibrio parahaemolyticus* trong mẫu nước (Bảng 2).

9. Phường Đông Giang

Thông số nhiệt độ có giá trị cao gấp 1,01 lần ngưỡng giới hạn cho phép. Các thông số pH, độ mặn, độ trong và độ kiềm lần lượt có giá trị thấp hơn ngưỡng giới hạn cho phép 1,04 lần, 3,5 lần, 1,5 lần và 2,78 lần. Các thông số H₂S, DO, N-NO₂⁻, N-NH₄⁺, N-NO₃⁻, P-PO₄³⁻, TSS, COD, *Coliform* và *Vibrio* tổng số có giá trị trong ngưỡng giới hạn cho phép. Không phát hiện tảo độc và *Vibrio parahaemolyticus* trong mẫu nước (Bảng 2).

10. Phường Đông Lễ

Các thông số pH, độ mặn, độ trong, độ kiềm và DO lần lượt có giá trị thấp hơn ngưỡng giới hạn cho phép 1,05 lần, 2,33 lần, 1,5 lần, 3,57 lần và 1,11 lần. Các thông số nhiệt độ, H₂S, N-NO₂⁻, N-NH₄⁺, N-NO₃⁻, P-PO₄³⁻, TSS, COD, *Coliform* và *Vibrio* tổng số có giá trị trong ngưỡng giới hạn cho phép. Không phát hiện tảo độc và *Vibrio parahaemolyticus* trong mẫu nước (Bảng 2).

11. Xã Vĩnh Thái

Thông số độ mặn và mật độ *Vibrio* tổng số lần lượt có giá trị cao gấp 1,08 lần và 2,2 lần ngưỡng giới hạn cho phép. Thông số độ kiềm có giá trị thấp hơn ngưỡng giới hạn cho phép 1,02 lần. Các thông số nhiệt độ, pH, H₂S, DO, N-NO₂⁻, N-NH₄⁺, N-NO₃⁻, P-PO₄³⁻, TSS, COD, *Coliform* và *Vibrio* tổng số có giá trị trong ngưỡng giới hạn cho phép. Không phát hiện tảo độc và *Vibrio parahaemolyticus* trong mẫu nước (Bảng 2).

12. Xã Trung Giang

Thông số độ mặn có giá trị cao gấp 1,04 lần ngưỡng giới hạn cho phép. Các thông số nhiệt độ, pH, độ trong, độ kiềm, H₂S, DO, N-NO₂⁻, N-NH₄⁺, N-NO₃⁻, P-PO₄³⁻, TSS, COD, *Coliform* và *Vibrio* tổng số có giá trị trong ngưỡng giới hạn cho phép. Không phát hiện tảo độc và *Vibrio parahaemolyticus* trong mẫu nước (Bảng 2).

13. Xã Triệu An

Thông số độ mặn có giá trị cao gấp 1,12 lần ngưỡng giới hạn cho phép. Các thông số nhiệt độ, pH, độ kiềm, H₂S, DO, N-NO₂⁻, N-NH₄⁺, N-NO₃⁻, P-PO₄³⁻, TSS,

COD, *Coliform* và *Vibrio* tổng số có giá trị trong ngưỡng giới hạn cho phép. Không phát hiện tảo độc và *Vibrio parahaemolyticus* trong mẫu nước (Bảng 2).

14. Xã Triệu Vân

Thông số độ mặn có giá trị cao gấp 1,12 lần ngưỡng giới hạn cho phép. Các thông số nhiệt độ, pH, độ kiềm, H₂S, DO, N-NO₂⁻, N-NH₄⁺, N-NO₃⁻, P-PO₄³⁻, TSS, COD, *Coliform* và *Vibrio* tổng số có giá trị trong ngưỡng giới hạn cho phép. Không phát hiện tảo độc và *Vibrio parahaemolyticus* trong mẫu nước (Bảng 2).

15. Xã Triệu Lăng

Thông số độ mặn có giá trị cao gấp 1,12 lần ngưỡng giới hạn cho phép. Các thông số nhiệt độ, pH, độ kiềm, H₂S, DO, N-NO₂⁻, N-NH₄⁺, N-NO₃⁻, P-PO₄³⁻, TSS, COD, *Coliform* và *Vibrio* tổng số có giá trị trong ngưỡng giới hạn cho phép. Không phát hiện tảo độc và *Vibrio parahaemolyticus* trong mẫu nước (Bảng 2).

16. Xã Hải An

Thông số độ mặn có giá trị cao gấp 1,12 lần ngưỡng giới hạn cho phép. Các thông số nhiệt độ, pH, độ kiềm, H₂S, DO, N-NO₂⁻, N-NH₄⁺, N-NO₃⁻, P-PO₄³⁻, TSS, COD, *Coliform* và *Vibrio* tổng số có giá trị trong ngưỡng giới hạn cho phép. Không phát hiện tảo độc và *Vibrio parahaemolyticus* trong mẫu nước (Bảng 2).

IV. Khuyến cáo

- Đối với vùng nước cấp ven biển có các thông số độ mặn, độ kiềm và *Vibrio* tổng số nằm ngoài giới hạn cho phép để nuôi tôm, các chủ cơ sở nuôi cần thực hiện các giải pháp sau:

+ Nguồn nước cấp có độ kiềm thấp hơn ngưỡng giới hạn cho phép (<100 mg/l): cần tăng cường bổ sung các sản phẩm khoáng tăng kiềm kết hợp với vôi trong ao chứa, ao lắng đảm bảo độ kiềm nằm trong khoảng 100 - 200 mg/l trước khi cấp vào ao nuôi, nhằm tăng khả năng lột vỏ và phát triển tốt cho tôm (liều lượng theo hướng dẫn của nhà sản xuất).

+ Nguồn nước cấp có độ mặn cao hơn ngưỡng giới hạn cho phép (>25‰): cần tiến hành theo dõi, có biện pháp lưu trữ nước trong ao chứa, ao lắng và điều chỉnh độ mặn thích hợp (trong khoảng 7 - 25‰) trước khi cấp vào ao nuôi.

+ Nguồn nước cấp có *Vibrio* tổng số cao hơn ngưỡng giới hạn cho phép (>1.000 CFU/ml): cần tiến hành khử trùng bằng các hóa chất diệt khuẩn BKC, Chlorine trong ao chứa, ao lắng đảm bảo mật độ ≤1.000 CFU/ml trước khi cấp vào ao nuôi (liều lượng theo hướng dẫn của nhà sản xuất).

- Đối với các nguồn nước cấp vùng ven sông (trừ điểm nguồn cấp Hiền Thành) có chất lượng nước kém, các hộ nuôi không cấp nước vào ao chứa tại thời điểm này. Cần tiếp tục theo dõi diễn biến môi trường và tích nước vào ao chứa khi chất lượng nước đạt yêu cầu. Nếu cần thiết phải bổ sung nước vào thời điểm này, nguồn nước cấp phải được bơm xử lý qua bể lọc hoặc túi lọc (đường kính lỗ lọc ≤200 μm) để loại bỏ hoàn toàn các ấu trùng, rác thải, các loài động vật cua, ốc, cá tạp, chất rắn lơ lửng...; khử trùng bằng các hóa chất diệt khuẩn BKC, Chlorine,...

(liều lượng theo hướng dẫn nhà sản xuất); quạt nước để loại bỏ hoá chất khử trùng và tăng cường ôxy hoà tan trước khi cấp vào ao nuôi; bổ sung khoáng để nâng cao độ kiềm; bổ sung nước có độ mặn phù hợp để nâng cao độ mặn; bón vôi với liều lượng 15 - 20 kg/1000 m² mặt nước để đưa pH về khoảng phù hợp (7,5 - 8,5), kiểm tra các thông số môi trường đảm bảo nằm trong ngưỡng giới hạn cho phép để nuôi tôm mới cấp vào ao nuôi.

Đối với nguồn nước cấp ven sông Hiền Thành (lấy mẫu tại hồ chứa HTX NTTTS Vĩnh Thành): các thông số đều nằm trong giới hạn cho phép để nuôi tôm, trừ thông số độ kiềm có giá trị thấp hơn 2,17 lần ngưỡng giới hạn cho phép. Do đó, khi cấp nước từ hồ chứa vào ao nuôi tôm, cần tăng cường bổ sung các sản phẩm khoáng tăng kiềm kết hợp với vôi đảm bảo độ kiềm nằm trong khoảng 100 - 200 mg/l nhằm tăng khả năng lột vỏ và giúp tôm phát triển tốt.

Chi cục Thủy sản kính thông báo để quý cơ quan, đơn vị được biết; đồng thời kính đề nghị UBND các huyện: Vĩnh Linh, Gio Linh, Triệu Phong, Hải Lăng và UBND thành phố Đông Hà chỉ đạo các phòng chuyên môn, UBND các xã, phường, thị trấn kịp thời thông báo đến các chủ cơ sở nuôi tôm biết để nắm bắt được thực trạng chất lượng môi trường nước tại các vùng nuôi tôm tập trung, có kế hoạch sản xuất hợp lý, áp dụng các biện pháp kỹ thuật phù hợp nhằm quản lý tốt chất lượng môi trường nước đầu vào và nước ao nuôi, phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro./.

Nơi nhận:

- Cục Thủy sản (b/c);
- Cục Thú y (b/c);
- Sở NN&PTNT (b/c);
- Sở TN&MT (b/c);
- UBND các huyện: Vĩnh Linh, Gio Linh, Triệu Phong, Hải Lăng và UBND thành phố Đông Hà;
- Chi cục Chăn nuôi và Thú y (đ/b);
- Các Trung tâm: Khuyến nông, Giống nông nghiệp tỉnh (đ/b);
- Trung tâm Quan trắc Môi trường và Bệnh thủy sản miền Bắc (p/h);
- Phòng NN&PTNT các huyện: Vĩnh Linh, Gio Linh, Triệu Phong, Hải Lăng và Phòng Kinh tế thành phố Đông Hà;
- UBND các xã: Vĩnh Thái, Hiền Thành, Vĩnh Sơn, Vĩnh Lâm, Vĩnh Giang, Trung Giang, Gio Mai, Triệu An, Triệu Vân, Triệu Lăng, Triệu Phước, Triệu Độ, Hải An và UBND các phường: Đông Giang, Đông Lễ;
- UBND xã Hải Khê (tham khảo);
- Bản tin Nông nghiệp tỉnh;
- Chi cục trưởng;
- Phòng Hành chính - Tổng hợp (để đăng tin);
- Lưu: VT, NTTTS.

CHI CỤC TRƯỞNG

Phan Hữu Thặng